

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
SIÊU THANH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 36
8. Phụ lục	37 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Siêu Thanh (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Siêu Thanh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302563707, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 119.579.020.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 6262 8888
Fax : (84-8) 6262 5888
E-mail : sieuthanh@sieuthanhrio.com.vn
Mã số thuế : 0302563707

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại TP. Vũng Tàu	33 Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại TP. Đà Nẵng	36A Duy Tân, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại TP. Cần Thơ	200 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại tỉnh Đồng Nai	97/482A khu phố 4, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại TP. Hà Nội	591 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại tỉnh Bình Dương	22/14 đại lộ Bình Dương, phường Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần Siêu Thanh tại tỉnh Long An	17A đường số 3, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An
Chi nhánh Tây Hà Nội Công ty cổ phần Siêu Thanh	Số 11 lô 13A khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại, máy nông ngư cơ; thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hóa mỹ phẩm;

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy quay phim, chụp ảnh, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê thiết bị văn phòng;
- Sản xuất mực in, từ dùng cho máy photocopy;
- Lắp ráp mô-tơ, thiết bị văn phòng, máy fax, máy chụp hình, quay phim;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Số 161F Dạ Nam, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	58,23%
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Số 6 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	55,06%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Siêu Thanh trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Bà Phạm Thị Mai Duyên	Phó Chủ tịch	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	28 tháng 5 năm 2010	18 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Hữu Thông	Thành viên	28 tháng 5 năm 2011	18 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	-
Ông Hứa Đức Huy	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013 ^(*)	-
Ông Hứa Đức Huy	Thành viên	08 tháng 5 năm 2012	18 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	-

(*) Ngày tái bổ nhiệm

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông David Cam Hao Ong	Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2007	-
Ông Đỗ Quốc Lâm	Giám đốc điều hành	01 tháng 01 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh đảm bảo rằng, đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vu St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0724/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty cổ phần Siêu Thanh bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Siêu Thanh và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 1.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2013, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các Công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.869.376.061	161.153.940.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	100.057.897.879	62.312.658.597
1. Tiền	111		22.387.053.847	26.997.772.972
2. Các khoản tương đương tiền	112		77.670.844.032	35.314.885.625
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.029.300.555	36.300.928.202
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	29.670.599.821	35.318.874.248
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	440.313.379	583.028.151
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	925.642.562	1.362.489.194
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.007.255.207)	(963.463.391)
IV. Hàng tồn kho	140		64.233.834.252	58.901.427.396
1. Hàng tồn kho	141	V.6	66.809.668.485	61.335.741.024
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.575.834.233)	(2.434.313.628)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.548.343.375	3.638.926.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.345.367.775	507.387.494
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		939.016.145	666.587.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	211.626.560	107.799.359
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.052.332.895	2.357.151.341

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.633.223.131	148.917.560.144
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		447.351.015	4.714.644.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	447.351.015	4.714.644.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.209.356.328	63.684.751.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	25.618.726.366	29.162.468.813
<i>Nguyên giá</i>	222		54.950.459.314	61.497.499.374
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.331.732.948)	(32.335.030.561)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	225		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	13.321.675.862	13.305.024.190
<i>Nguyên giá</i>	228		13.732.206.347	13.713.871.347
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(410.530.485)	(408.847.157)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	19.268.954.100	21.217.258.500
III. Bất động sản đầu tư	240		70.928.379.639	71.992.411.641
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	75.781.699.978	75.781.699.978
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(4.853.320.339)	(3.789.288.337)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.080.800.000	8.080.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	8.080.800.000	8.080.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.967.336.149	444.953.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	5.864.611.149	444.953.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1.102.725.000	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		344.502.599.192	310.071.500.386

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.293.422.557	40.611.616.079
I. Nợ ngắn hạn	310		59.615.724.005	38.929.726.359
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.19	39.716.192.808	15.966.838.508
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	4.884.997.154	3.130.831.111
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	3.951.149.482	8.582.699.529
5. Phải trả người lao động	315	V.22	3.437.219.428	4.664.826.290
6. Chi phí phải trả	316		-	260.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	3.732.685.410	1.822.590.278
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	3.893.479.723	4.501.940.643
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.677.698.552	1.681.889.720
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	1.083.771.000	1.083.771.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	593.927.552	598.118.720
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246.886.951.809	233.562.423.887
I. Vốn chủ sở hữu	410		246.886.951.809	233.562.423.887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	119.579.020.000	119.579.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	2.572.620.000	2.572.620.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	3.880.961.542	3.880.961.542
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	11.957.902.000	11.957.902.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	111.102.639.107	97.778.111.185
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.28	36.322.224.826	35.897.460.420
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		344.502.599.192	310.071.500.386

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại : Dollar Mỹ (USD)		901,82	1.647,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Hồ Thanh Huy
Người lập biểu



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	328.288.081.934	206.406.554.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.084.000	982.711.691
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	328.282.997.934	205.423.843.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	262.843.913.565	136.933.313.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.439.084.369	68.490.529.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.427.209.179	4.330.472.045
7. Chi phí tài chính	22		71.478	48.425.969
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	29.894.034.533	29.964.836.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	22.637.002.697	21.697.919.030
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.335.184.840	21.109.820.551
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.992.208.334	7.890.130.713
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.858.171.650	1.712.927.033
13. Lợi nhuận khác	40		3.134.036.684	6.177.203.680
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.469.221.524	27.287.024.231
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	4.719.929.196	7.471.976.088
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	35.298.054
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.749.292.328</u>	<u>19.779.750.089</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		424.764.406	436.943.455
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		13.324.527.922	19.342.806.634
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.120</u>	<u>1.626</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013


Nguyễn Hồ Thanh Huy
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.469.221.524	27.287.024.231
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13, V.15	5.660.082.042	5.072.267.167
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7	185.312.421	40.562.072
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6, VI.7	(2.956.702.569)	(5.319.426.872)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.357.913.418	27.080.426.598
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.020.011.496	2.010.698.791
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.234.504.292)	(18.600.378.794)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20.557.811.100	(2.318.146.198)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.258.567.514)	530.870.898
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(8.390.891.531)	(6.515.228.527)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		571.719.091	5.716.117.355
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(292.858.230)	(5.208.109.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.330.633.538	2.696.250.383
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(6.137.886.021)	(1.886.770.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	2.465.175.227	2.863.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.090.264.413	4.070.158.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.582.446.381)	5.047.023.953

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

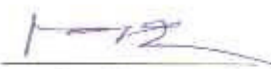
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(2.947.875)	(23.793.804.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2.947.875)</i>	<i>(23.793.804.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		37.745.239.282	(16.050.529.664)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.312.658.597	81.600.235.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>100.057.897.879</u>	<u>65.549.705.779</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013


Nguyễn Hồ Thanh Huy
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Siêu Thanh bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, linh kiện phụ tùng, văn phòng phẩm, thiết bị điện, vật liệu điện, hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Cho thuê thiết bị văn phòng; Mua bán, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị chữa cháy; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gõ, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô, thiết bị điện tử, hàng kim khí điện máy.

- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	Số 161F Dạ Nam, phường 3, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	58,23%	58,23%
Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	Số 6 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	55,06%	55,06%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tập đoàn có 614 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 572 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Siêu Thanh (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh đối với ô tô nguyên chiếc, bình quân gia quyền đối với thiết bị văn phòng, phụ tùng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

10. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định khác là toàn bộ các chi phí liên quan đến tài liệu hướng dẫn đại lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, phần mềm

Chi phí sửa chữa, phần mềm được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 -03 năm.

Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng

Tiền thuê đất bổ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng của Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh đang sử dụng được trả trước một lần và được phân bổ theo thời hạn thuê là 10 năm (đến ngày 31/12/2022).

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn sẽ phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do các công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ và Nghị quyết đại hội cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn. Mục đích sử dụng các quỹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày cuối kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.814 VND/USD
30/6/2013 : 21.155 VND/USD

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.195.521.281	1.419.003.589
Tiền gửi ngân hàng	20.191.532.566	25.578.769.383
Các khoản tương đương tiền (*)	77.670.844.032	35.314.885.625
Cộng	<u>100.057.897.879</u>	<u>62.312.658.597</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	18.844.591.712	24.462.160.173
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	4.229.016.146	3.717.404.875
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	6.596.991.963	7.139.309.200
Cộng	<u>29.670.599.821</u>	<u>35.318.874.248</u>

3. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	423.673.177	309.494.309
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	1.110.202	99.080.092
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	15.530.000	174.453.750
Cộng	<u>440.313.379</u>	<u>583.028.151</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH General Motors Việt Nam	325.271.970	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực TP. Hồ Chí Minh - Cổ tức được chia	180.000.000	-
Ông Lê Minh Tiến – Tiền mượn	90.000.000	210.000.000
Công ty Honda Việt Nam - tiền hỗ trợ bán hàng	279.000.000	1.105.000.000
Các khoản phải thu khác	51.370.592	47.489.194
Cộng	<u>925.642.562</u>	<u>1.362.489.194</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	308.759.723	255.165.737
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	344.037.675	289.832.604
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	151.349.805	185.933.046
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	203.108.004	232.532.004
Cộng	<u>1.007.255.207</u>	<u>963.463.391</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	963.463.391
Trích lập dự phòng bổ sung	43.791.816
Số cuối kỳ	<u>1.007.255.207</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	81.941.789	50.965.102
Hàng hóa	64.762.355.957	59.372.819.183
Hàng hóa bất động sản	1.965.370.739	1.911.956.739
Cộng	<u>66.809.668.485</u>	<u>61.335.741.024</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	2.434.313.628
Trích lập dự phòng bổ sung	141.520.605
Số cuối kỳ	<u>2.575.834.233</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	113.677.327	66.115.049
Chi phí thuê nhà, văn phòng	3.101.312.077	441.272.445
Chi phí khác	130.378.371	-
Cộng	<u>3.345.367.775</u>	<u>507.387.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	99.329.167	99.329.167
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	112.297.393	8.470.192
Cộng	211.626.560	107.799.359

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	787.482.639	953.488.753
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	231.818.737	1.370.631.069
Tài sản thiếu chờ xử lý	33.031.519	33.031.519
Cộng	1.052.332.895	2.357.151.341

11. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Đình Thị Hồng Vân – tiền cho mượn	80.000.000	150.000.000
Ông Phan Lê Minh Đức – tiền cho mượn	140.000.000	190.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nguyên – tiền cho mượn	150.000.000	-
Ông Lê Thành Nghĩa – tiền cho mượn	50.000.000	-
Công ty cổ phần điện cơ – tiền cho mượn	-	4.374.644.000
Các khoản khác	27.351.015	-
Cộng	447.351.015	4.714.644.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.092.276.493	23.294.765.204	17.515.276.530	4.587.917.818	4.007.263.329	61.497.499.374
Mua sắm mới	42.849.000	232.598.420	2.743.825.126	10.500.000	-	3.029.772.546
Tăng từ hàng tồn kho chuyển qua lâm tài sản cho thuê	-	2.122.672.945	-	-	-	2.122.672.945
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.317.269.511)	(12.306.910)	-	(4.329.576.421)
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán	-	(701.304.508)	-	-	-	(701.304.508)
Giảm kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	(5.766.488.409)	(26.406.000)	(431.856.934)	(443.853.279)	(6.668.604.622)
Số cuối kỳ	12.135.125.493	19.182.243.652	15.915.426.145	4.154.253.974	3.563.410.050	54.950.459.314
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.430.407.791	4.327.343.099	786.109.752	1.678.842.919	13.222.703.561
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.440.510.998	13.902.080.927	9.410.366.343	3.087.871.641	2.494.200.652	32.335.030.561
Khấu hao trong kỳ	301.165.377	2.179.968.329	1.521.173.712	356.056.917	232.752.375	4.591.116.710
Phân loại lại	-	-	(536.060.400)	-	536.060.400	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.538.532.440)	(12.306.910)	-	(2.550.839.350)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giảm tài sản cho thuê về nhập kho chờ bán	-	(364.291.269)	-	-	-	(364.291.269)
Giảm kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	(3.936.512.940)	(11.550.625)	(359.911.242)	(371.308.897)	(4.679.283.704)
Số cuối kỳ	3.741.676.375	11.781.245.047	7.845.396.590	3.071.710.406	2.891.704.530	29.331.732.948
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.651.765.495	9.392.684.277	8.104.910.187	1.500.046.177	1.513.062.677	29.162.468.813
Số cuối kỳ	8.393.449.118	7.400.998.605	8.070.029.555	1.082.543.568	671.705.520	25.618.726.366
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định từ 30.000.000 VND trở lên thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty, thời gian phân bổ không quá 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này (ngày 10 tháng 6 năm 2013).

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế trang web	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	13.290.340.860	160.436.500	68.550.987	36.033.000	158.510.000	13.713.871.347
Mua sắm mới	-	-	31.335.000	-	-	31.335.000
Giảm kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	-	-	(13.000.000)	-	(13.000.000)
Số cuối kỳ	13.290.340.860	160.436.500	99.885.987	23.033.000	158.510.000	13.732.206.347
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	23.033.000	-	23.033.000
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	-	160.436.500	66.325.998	23.574.659	158.510.000	408.847.157
Khấu hao trong kỳ	-	-	2.224.987	2.708.343	-	4.933.330
Giảm kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	-	-	(3.250.002)	-	(3.250.002)
Số cuối kỳ	-	160.436.500	68.550.985	23.033.000	158.510.000	410.530.485
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.290.340.860	-	2.224.989	12.458.341	-	13.305.024.190
Số cuối kỳ	13.290.340.860	-	31.335.002	-	-	13.321.675.862

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế trang web	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Như thuyết minh tại V.12.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Trả trước tiền mua căn hộ Era Town Khu tái định cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh theo tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng.

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	21.217.258.500
Thanh toán trong kỳ	3.211.492.350
Chuyển nhượng trong kỳ	(5.159.796.750)
Số cuối kỳ	19.268.954.100

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Số cuối kỳ	49.461.000.000	26.320.699.978	75.781.699.978
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.075.236.000	2.714.052.337	3.789.288.337
Khấu hao trong kỳ	537.618.000	526.414.002	1.064.032.002
Số cuối kỳ	1.612.854.000	3.240.466.339	4.853.320.339
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.385.764.000	23.606.647.641	71.992.411.641
Số cuối kỳ	47.848.146.000	23.080.233.639	70.928.379.639

Tại thời điểm cuối kỳ Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực TP. Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Cộng		8.080.800.000		8.080.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	110.079.860	2.042.599.589	(232.420.481)	1.920.258.968
Chi phí sửa chữa	137.760.262	-	(63.090.497)	74.669.765
Chi phí phần mềm quản lý	197.112.878	-	(105.533.553)	91.579.325
Tiền thuê đất bỏ sung cho tiền thuê văn phòng nhà xưởng	-	3.976.949.091	(198.846.000)	3.778.103.091
Cộng	444.953.000	6.019.548.680	(599.890.531)	5.864.611.149

18. Tài sản dài hạn khác

Tiền đặt cọc thuê văn phòng.

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	28.714.539.476	8.964.406.824
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	7.744.614.975	4.438.529.854
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	3.257.038.357	2.563.901.830
Cộng	39.716.192.808	15.966.838.508

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	1.897.601.509	859.501.321
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	2.987.395.645	2.271.329.790
Cộng	4.884.997.154	3.130.831.111

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.967.277.471	6.149.706.755	(7.120.647.995)	996.336.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.190.510.308	4.719.929.196	(8.390.891.531)	2.519.547.973
Thuế thu nhập cá nhân (*)	317.112.391	2.078.856.043	(2.172.739.051)	223.229.383
Các loại thuế khác	-	59.462.135	(59.052.800)	409.335
Cộng	8.474.900.170	13.007.954.129	(17.743.331.377)	3.739.522.922

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.329.167	99.329.167
Thuế thu nhập cá nhân	112.297.393	8.470.192
Cộng	211.626.560	107.799.359

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong khu chế xuất 0%
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng ngoài khu ngoài chế xuất trong nước 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

Tại Công ty cổ phần Siêu Thanh	3.997.659.668
Tại Công ty cổ phần ô tô Cường Thanh	-
Tại Công ty cổ phần ô tô Kim Thanh	722.269.528
Cộng	4.719.929.196

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả cho nhân viên.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	29.198.590	72.602.076
Ông Yung Cam Meng - Tiền mượn	1.500.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	1.133.744.888	1.023.290.528
Thu hộ tiền đăng ký xe cho khách hàng	509.909.000	-
Cổ tức phải trả	44.179.775	47.127.650
- Phải trả cổ đông Công ty mẹ	15.689.775	18.637.650
- Phải trả cổ đông thiểu số	28.490.000	28.490.000
Phải trả khác	515.653.157	679.570.024
Cộng	3.732.685.410	1.822.590.278

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.501.940.643
Chi quỹ	(608.460.920)
Số cuối kỳ	3.893.479.723

25. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền cho thuê quyền sử dụng một phần lô đất tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH nhà hàng Vọng Các.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền cho thuê mặt bằng nhận trước.

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 37.

Cổ tức

Cổ tức năm trước đã chi trả trong kỳ là: 2.947.875 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.957.902	11.957.902
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.957.902	11.957.902
- Cổ phiếu phổ thông	11.957.902	11.957.902
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	61.000	61.000
- Cổ phiếu phổ thông	61.000	61.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.896.902	11.896.902
- Cổ phiếu phổ thông	11.896.902	11.896.902
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	35.897.460.420
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	424.764.406
Số cuối kỳ	<u>36.322.224.826</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ (*)	328.288.081.934	206.406.554.792
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.084.000)	(982.711.691)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(750.462.177)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(175.113.459)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(5.084.000)	(57.136.055)
Doanh thu thuần	<u>328.282.997.934</u>	<u>205.423.843.101</u>

(*) Trong đó, doanh thu tiêu dùng nội bộ, hàng khuyến mãi kỳ này là 360.169.950 VND, kỳ trước là 220.894.553 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ là giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp. Trong đó, giá vốn tiêu dùng nội bộ, hàng khuyến mãi là 360.169.950 VND (kỳ trước là 220.894.553 VND).

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	135.460.266	127.489.621
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.090.264.413	3.732.658.509
Lãi bán hàng trả chậm	21.484.500	34.276.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.000.000	337.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	98.547.058
Cộng	2.427.209.179	4.330.472.045

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.579.489.793	21.042.277.090
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	716.749.158	1.329.862.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.196.349.937	1.474.797.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.416.894.942	1.555.464.370
Chi phí khác	2.984.550.703	4.562.435.029
Cộng	29.894.034.533	29.964.836.058

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.637.387.537	7.694.532.799
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.388.277	351.455.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.792.165.626	3.597.469.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.365.761.694	8.506.516.118
Chi phí khác	2.065.299.563	1.547.944.957
Cộng	22.637.002.697	21.697.919.030

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.465.175.227	2.863.636.363
Tiền thưởng, tiền hỗ trợ	2.523.244.871	4.984.390.000
Thu nhập khác	3.788.236	42.104.350
Cộng	4.992.208.334	7.890.130.713

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.778.737.071	1.614.368.000
Chi phí khác	79.434.579	98.559.033
Cộng	1.858.171.650	1.712.927.033

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	13.324.527.922	19.342.806.634
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	13.324.527.922	19.342.806.634
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.896.902	11.896.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.120	1.626

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Siêu Thanh và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Siêu Thanh trong kỳ này là 2.298.117.214 VND (kỳ trước là 1.934.966.665 VND).

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thiết bị văn phòng: mua bán, sửa chữa máy photocopy, máy vi tính, máy fax, thiết bị văn phòng,...
- Lĩnh vực ô tô: mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe hơi và các linh kiện, phụ tùng xe hơi.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 38 đến trang 40.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính, chỉ bàn giao xe khi khách hàng thanh toán đủ hoặc được ngân hàng đảm bảo thanh toán. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.057.897.879	-	-	-	100.057.897.879
Phải thu khách hàng	27.550.673.836	-	-	2.119.925.985	29.670.599.821
Các khoản phải thu khác	2.707.537.314	-	-	-	2.707.537.314
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	-	-	8.080.800.000
Cộng	138.396.909.029	-	-	2.119.925.985	140.516.835.014
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.312.658.597	-	-	-	62.312.658.597
Phải thu khách hàng	33.407.176.395	-	-	1.911.697.853	35.318.874.248
Các khoản phải thu khác	7.447.764.263	-	-	-	7.447.764.263
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	-	-	8.080.800.000
Cộng	111.248.399.255	-	-	1.911.697.853	113.160.097.108

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp; thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	39.716.192.808	-	-	39.716.192.808
Các khoản phải trả khác	3.703.486.820	1.083.771.000	-	4.787.257.820
Cộng	43.419.679.628	1.083.771.000	-	44.503.450.628
Số đầu năm				
Phải trả người bán	15.966.838.508	-	-	15.966.838.508
Các khoản phải trả khác	2.009.988.202	1.083.771.000	-	3.093.759.202
Cộng	17.976.826.710	1.083.771.000	-	19.060.597.710

Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích, đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy, đánh giá được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	901,82	1.647,00
Phải thu khách hàng	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-
Phải trả người bán	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	901,82	1.647,00

Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của là không đáng kể do tài sản/nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.057.897.879	-	62.312.658.597	-	100.057.897.879	62.312.658.597
Phải thu khách hàng	29.670.599.821	(1.007.255.207)	35.318.874.248	(963.463.391)	28.663.344.614	34.355.410.857
Các khoản phải thu khác	2.707.537.314	-	7.447.764.263	-	2.707.537.314	7.447.764.263
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.080.800.000	-	8.080.800.000	-	8.080.800.000	8.080.800.000
Cộng	140.516.835.014	(1.007.255.207)	113.160.097.108	(963.463.391)	139.509.579.807	112.196.633.717

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	39.716.192.808	15.966.838.508	39.716.192.808
Các khoản phải trả khác	4.787.257.820	3.093.759.202	4.787.257.820	3.093.759.202
Cộng	44.503.450.628	19.060.597.710	44.503.450.628	19.060.597.710

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng giá trị sổ sách trừ khoản chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Siêu Thanh đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013


Nguyễn Hồ Thanh Huy
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

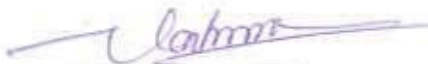
Đơn vị tính: VND


	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.579.020.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	180.797.469	3.880.961.542	11.957.902.000	99.023.440.308	234.988.550.479
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	47.331.520.677	47.331.520.677
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(47.587.608.000)	(47.587.608.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	(180.797.469)	-	-	-	(180.797.469)
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-	-	(989.241.800)	(989.241.800)
Số dư cuối năm trước	119.579.020.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	-	3.880.961.542	11.957.902.000	97.778.111.185	233.562.423.887
Số dư đầu năm nay	119.579.020.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	-	3.880.961.542	11.957.902.000	97.778.111.185	233.562.423.887
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	13.324.527.922	13.324.527.922
Số dư cuối kỳ	119.579.020.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	-	3.880.961.542	11.957.902.000	111.102.639.107	246.886.951.809



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013


 Nguyễn Hồ Thanh Huy
 Người lập biểu


 Đinh Thị Hồng Vân
 Kế toán trưởng


 David Cam Hao Ong
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	Thiết bị văn phòng	Ô tô	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.890.535.805	227.392.462.129	-	328.282.997.934
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.284.867.545	920.043.182	(3.204.910.727)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.175.403.350	228.312.505.311	(3.204.910.727)	328.282.997.934
Chi phí bộ phận	88.189.833.759	230.390.027.763	(3.204.910.727)	315.374.950.795
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.985.569.591	(2.077.522.452)	-	12.908.047.139
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.908.047.139
Doanh thu hoạt động tài chính				2.427.209.179
Chi phí tài chính				(71.478)
Thu nhập khác				4.992.208.334
Chi phí khác				(1.858.171.650)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.719.929.196)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.749.292.328
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.537.403.352	8.878.347.253	-	12.415.750.605
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.169.257.674	2.090.714.899	-	6.259.972.573
phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

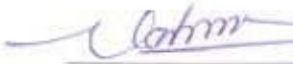
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Ô tô</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106.961.773.733	98.462.069.368	-	205.423.843.101
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.725.032.006	1.046.369.532	(3.771.401.538)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.686.805.739	99.508.438.900	(3.771.401.538)	205.423.843.101
Chi phí bộ phận	87.980.178.404	104.387.291.760	(3.771.401.538)	188.596.068.626
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.706.627.335	(4.878.852.860)	-	16.827.774.475
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				16.827.774.475
Doanh thu hoạt động tài chính				4.330.472.045
Chi phí tài chính				(48.425.969)
Thu nhập khác				7.890.130.713
Chi phí khác				(1.712.927.033)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.471.976.088)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(35.298.054)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				19.779.750.089
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.741.299.051	350.325.557	-	5.091.624.608
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.517.701.894	2.276.587.553	-	5.794.289.447
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013


 Nguyễn Hồ Thanh Huy
 Người lập biểu


 Đinh Thị Hồng Vân
 Kế toán trưởng


 David Cam Hao Ong
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: A20 Tân Phong, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Ô tô</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ	241.734.846.665	102.767.752.527	-	344.502.599.192
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				<u>344.502.599.192</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41.633.272.596	19.660.149.961	-	61.293.422.557
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				<u>61.293.422.557</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	214.057.319.508	96.014.180.878	-	310.071.500.386
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				<u>310.071.500.386</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.487.399.680	14.124.216.399	-	40.611.616.079
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				<u>40.611.616.079</u>


Nguyễn Hồ Thanh Huy
Người lập biểu


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng




Dương Cam Hào Ông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013